

Bản án số: 19/2019/HS-ST
Ngày 13-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Thẩm phán: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Nguyễn Kim San.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phúc Tới- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1989 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn LC, xã TV, huyện AL, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị C; có vợ là Vũ Thị H2 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ từ ngày 28/8/2018 đến ngày 05/9/2018 chuyển tạm giam; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H: Ông Trần Ngọc Quang - Luật sư của Văn phòng Luật sư Lam Sơn thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị V sinh năm 1947; trú tại: Thôn LC, xã TV, huyện AL, thành phố Hải Phòng – đã chết

Người đại diện hợp pháp cho bị hại:

Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1942; trú tại: Thôn LC, xã TV, huyện AL,

thành phố Hải Phòng – là chồng của bị hại.

Chị Nguyễn Thị V1, sinh năm 1969; trú tại: Thôn L1C, xã TV, huyện AL, thành phố Hải Phòng – là con đẻ của bị hại.

Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1973; trú tại: Thôn LC, xã TV, huyện AL, thành phố Hải Phòng – là con đẻ của bị hại.

Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1975; trú tại: Thôn LC, xã TV, huyện AL, thành phố Hải Phòng – là con đẻ của bị hại.

Chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1977; trú tại: Phường LH, quận KA, thành phố Hải Phòng – là con đẻ của bị hại.

Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1980; trú tại: Thôn LC, xã TV, huyện AL, thành phố Hải Phòng – là con đẻ của bị hại.

Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; trú tại: Thôn LC, xã TV, huyện AL, thành phố Hải Phòng – là con đẻ của bị hại.

Tất cả đều có mặt. Tại phiên tòa, ông P, chị V1, chị H3, chị H4, chị L đều ủy quyền cho chị H5 và anh D tham gia, trình bày tại phiên tòa.

Người làm chứng:

Cháu Phạm Thị N (sinh năm 2003), người đại diện hợp pháp cho cháu N: Chị Nguyễn Thị T (mẹ cháu N); đều vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị L1; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 15 phút ngày 28/8/2018, Nguyễn Văn H đi bộ từ nhà ra đường thuộc thôn LC, xã TV, huyện AL, thành phố Hải Phòng thì thấy bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1947, trú tại thôn LC, xã TV, thành phố Hải Phòng đang đi bộ phía trước. H đi nhanh đến ngang bà V, dùng tay phải tát 01 cái vào má bà V làm bà V bị ngã nghiêng trái xuống đường trước cửa nhà anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1978 ở cùng thôn. H dùng chân đá 01 cái vào lưng bà V rồi chạy ra bên cạnh cổng nhà anh L2, lấy 01 viên bê tông có kích thước khoảng 23cm x 25cm x 10cm, cầm viên bê tông bằng hai tay đi đến sát phía sau bà V giơ lên ngang mặt đập 01 nhát từ trên xuống vào đầu bà V, viên bê tông bị văng ra đất thì H tiếp tục nhát lên đập nhát thứ hai về phía đầu bà V, bà V dùng hai tay ôm đầu nên viên bê tông trúng cả vào đầu, tay bà V và bị văng ra đất. Lúc này mọi người hô hoán nên ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1942 (chồng bà V) chạy ra thì bị H tiến đến tát 01 nhát vào mặt ông P rồi bỏ về nhà, sau đó bị cơ quan Công an bắt giữ. Bà V được mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa quận Kiến An nhưng đã chết ngay sau đó.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra đã thu giữ: một số dấu vết nghi máu, 01 viên bê tông kích thước 23cm x 25cm x 10cm có dính tạp chất nghi tóc, máu.

Kết quả khám nghiệm tử thi xác định bà Nguyễn Thị V có các dấu vết thương tích sau: Vùng thái dương đỉnh chẩm phải có vết lún xương hộp sọ, bề mặt có 03 vết rách dập da, sâu sát xương và một số vết trợt da diện rộng 14cm x 12cm. Sờ nắn lún vỡ xương hộp sọ diện 14cm x 7cm.

Vùng đỉnh đầu trái có vết dập da màu nâu diện rộng 9cm x 7cm; mắt trái quầng tím.

Mặt ngoài ½ trên cánh tay phải có vết da sưng nề màu tím diện rộng 10cm x 8cm.

Tổ chức dưới da đầu vùng đỉnh đầu trái và vùng thái dương đỉnh chẩm phải tụ máu lan tỏa. Xương sọ vùng thái dương đỉnh phải vỡ lún phức tạp trên diện 14cm x 8cm, ngang đỉnh có vết vỡ nứt toác xương dài 12cm. Tổ chức não dưới nhện xương bị vỡ đụng dập và chảy máu lan tỏa, nhu mô não phù.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 188/2018/GĐPY ngày 07/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Nạn nhân Nguyễn Thị V bị chết do chấn thương vùng thái dương đỉnh chẩm phải làm vỡ phức tạp xương sọ, đụng dập và chảy máu não. Vết thương có đặc điểm do vật tày diện rộng bề mặt không nhấn tác động trực tiếp gây nên.

Bản kết luận giám định số 88/2018/GĐSV ngày 15/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Mẫu dấu vết nghi máu và tóc thu trên cục đá bê tông, dấu vết nghi máu thu ở hiện trường, trên áo thu của Nguyễn Văn H đều là máu và tóc của bà Nguyễn Thị V.

Ngày 28/8/2018, Nguyễn Văn H bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, ngoài ra H còn khai: Do có mâu thuẫn giữa H và bà V từ khoảng 02 năm trước đây trong việc cháu N1 (cháu bà V) bị chết do tai nạn giao thông và tại đám tang của cháu N1, bà V đã bế cháu T (con H) qua quan tài cháu N2 và đánh bố mẹ H. Trong thời gian đi cai nghiệm H luôn suy nghĩ về vấn đề này nên sau khi cai nghiệm trở về, khi nhìn thấy bà V, H đã đánh bà V như nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKS-P2 ngày 02 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình cơ bản như bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Nguyễn Văn H: Tù Chung thân về tội Giết người.

Về bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H: Không tranh luận về tội danh và điều luật mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Luật sư nhất trí với các tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên đã đề nghị, tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân phạm tội của bị cáo, xuất phát từ mâu thuẫn giữa bà V và gia đình bị cáo từ lâu khiến bị cáo bức xúc. Ngoài ra, tại phiên tòa, bị cáo trình bày có tham gia quân đội; gia đình bị cáo cũng đã bồi thường cho gia đình bị hại nhưng không được gia đình bị hại nhận, việc gia đình bị cáo bồi thường đã thể hiện mong muốn được bồi thường thiệt hại cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên.

Đại diện hợp pháp của bị hại có ý kiến: Gia đình bị hại không tranh luận với Kiểm sát viên và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết đúng người, đúng tội.

Bị cáo không bổ sung quan điểm của Luật sư và không tranh luận với Kiểm sát viên và nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh:*

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản hiện trường, Kết luận giám định pháp y, lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

[3] Khoảng 06 giờ 15' ngày 28/8/2018, Nguyễn Văn H đi bộ từ nhà ra đường thuộc thôn LC, xã TV, huyện AL, Hải Phòng thì thấy bà Nguyễn Thị V,

đang đi bộ phía trước. H đi nhanh đến ngang bà V, dùng tay phải tát 01 cái vào má bà V làm bà V bị ngã nghiêng trái xuống, sau đó, H dùng chân đá 01 cái vào lưng bà V rồi lấy 01 viên bê tông có kích thước khoảng 23cm x 25cm x 10cm ở bên đường, H cầm viên bê tông bằng hai tay đi đến sát phía sau bà V giơ lên ngang mặt đập 01 nhát từ trên xuống vào đầu bà V, viên bê tông bị văng ra đất thì H tiếp tục nhát lên đập nhát thứ hai về phía đầu bà V, bà V dùng hai tay ôm đầu nên viên bê tông trúng cả vào đầu, tay bà V và bị văng ra đất. Lúc này mọi người hô hoán nên ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1942 (chồng bà V) chạy ra thì bị H tiến đến tát 01 nhát vào mặt ông P rồi bỏ về nhà. Bà V được mọi người đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa quận Kiến An nhưng đã chết ngay sau đó. Tại Bản kết luận giám định pháp y số 188/2018/GDPY ngày 07/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Nạn nhân Nguyễn Thị V bị chết do chấn thương vùng thái dương đỉnh chẩm phải làm vỡ phức tạp xương sọ, đụng đập và chảy máu não. Vết thương có đặc điểm do vật tày diện rộng bề mặt không nhấn tác động trực tiếp gây nên.

[4] Do đó, đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm tội “Giết người” theo Điều 123 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm phạm đến tính mạng của khác mà còn làm mất trật tự trị an địa phương, dư luận quần chúng nhân dân rất bất bình, đòi hỏi pháp luật phải nghiêm trị.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[6] Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, gia đình bị cáo đã cho bị cáo đi cai nghiện từ ngày 11/9/2017 đến 26/8/2018 về địa phương; sau 2 ngày kể từ khi đi cai nghiện về thì bị cáo gây án, giết chết bà V.

[7] Về nguyên nhân khiến bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo H khai: Do có mâu thuẫn giữa H và bà V từ khoảng 02 năm trước đây trong việc cháu N1 (cháu bà V) bị chết do tai nạn giao thông và tại đám tang của cháu N1, bà V đã bế cháu T (con H) qua quan tài cháu N1 và đánh bố mẹ H. Trong thời gian đi cai nghiện H luôn suy nghĩ về vấn đề này nên sau khi cai nghiện trở về, khi nhìn thấy bà V, H đã đánh chết bà V. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của ông Nguyễn Văn H1 (bố của bị cáo H gọi bà V bằng thím) thể hiện: Không có mâu thuẫn gì kể cả cá nhân và 2 gia đình, trước khi H đi cai nghiện H vẫn chào hỏi bà V bình thường. Bà Phạm Thị C (mẹ của bị cáo H) khai: “Bà V không đánh vợ chồng tôi, cháu N1 chết là do tai nạn giao thông, 2 gia đình không có mâu thuẫn gì”. Do đó, thể hiện giữa bị cáo, gia đình bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì nhưng bị cáo đã thực hiện hành vi giết bị hại. Hành vi của bị cáo thể hiện tính chất côn đồ, coi thường tính mạng của người khác nên bị xét xử theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù quy định: Từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Bị hại là bà V sinh năm 1947, khi bị bị cáo đánh chết, bà V 71 tuổi, do vậy bị cáo đã phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội đối với người từ đủ 70 tuổi trở lên” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 BLHS.

[9] Bị cáo H sau khi bị bắt đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra, gia đình bị cáo cũng đã bồi thường một phần cho gia đình bị hại, mặc dù gia đình bị hại không nhận (với lý do gia đình bị cáo quá khó khăn) nhưng cũng thể hiện gia đình bị cáo đã thay bị cáo bồi thường thiệt hại nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10] Với phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo về tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên, do bị cáo không xuất trình căn cứ thể hiện bị cáo đã tham gia quân đội và theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện phía bị hại không có lỗi với bị cáo và gia đình bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận cho bị cáo được hưởng hình phạt tù có thời hạn. Căn cứ vào hành vi của bị cáo, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, cần phải áp dụng loại hình phạt tù không thời hạn đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Về bồi thường dân sự:

[11] Đại diện hợp pháp cho bị hại đề nghị bị cáo phải bồi thường các khoản: Về chi phí cấp cứu và mai táng phí; gồm: Cấp cứu bệnh viện: 10.000.000 đồng; kền trống lễ, bàn thờ: 27.000.000 đồng; cỗ đám tang: 30.000.000 đồng; áo quan: 15.000.000 đồng; thuê bát đĩa: 15.000.000 đồng; cúng 6 tuần: 10.000.000 đồng; cúng 49: 50.000.000 đồng; dự kiến cúng 100 ngày: 4.000.000 đồng. Tổng cộng là 161 triệu đồng, tất cả các khoản chi không có hóa đơn chứng từ chứng minh. Về yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

[12] Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Hội đồng xét xử xét:

[13] + Về chi phí cấp cứu và mai táng phí: Không chấp nhận tiền chi mai táng phí gồm: cỗ bàn, cúng 6 tuần, cúng 49, cúng 100...; các khoản này không có hóa đơn chứng từ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần chi phí mai táng và áp dụng chi phí theo thông lệ chung là 60.000.000 đồng; đồng thời chấp nhận khoản tiền cấp cứu cho bà V là 10.000.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho những người đại diện hợp pháp cho bà V số tiền: 10.000.000 + 60.000.000 = 70.000.000 đồng (1)

[14] + Về bồi thường tổn thất tinh thần: Do bị hại hoàn toàn không có lỗi nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền tương ứng với 100 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, cụ thể: $100 \times 1.390.000 \text{ đồng/tháng} = 139.000.000 \text{ đồng}$ (2)

[15] + Về cấp dưỡng: Bị hại đã 71 tuổi, không phải cấp dưỡng người khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Do đó, bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị V số tiền: $(1) + (2) = 70.000.000 + 139.000.000 = 209.000.000 \text{ đồng}$.

[17] - *Về xử lý vật chứng*: Cơ quan điều tra thu giữ: 01 viên đá bê tông và 01 áo phông. Xét những đồ vật này không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[18] - *Về án phí và quyền kháng cáo*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, những người đại diện hợp pháp cho bị hại được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điều i khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Văn H: Tù chung thân về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2018.

2. *Về bồi thường dân sự*: Căn cứ Điều 584, Điều 591 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; tuyên:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị V số tiền 209.000.000 (Hai trăm linh chín triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, đại diện hợp pháp của bị hại có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (Một) viên đá bê tông và 01 (Một) áo phông

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/12/2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

4. *Về án phí*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng

án phí hình sự sơ thẩm và 10.450.000 (Mười triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm